| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN CHÂU THÀNH**<br>**TỈNH AN GIANG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số:186/2018/DS-ST
Ngày: 31-10-2018
V/v: Tranh chấp hợp đồng mua bán

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH – TỈNH AN GIANG**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:
*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Phạm Thị Mỹ Dung
*Các Hội thẩm nhân dân*:
Ông Lương Văn Cẩu
Ông Trần Minh Triển

***- Thư ký phiên tòa***: Bà Lê Yến Phương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa***: Bà Trần Thị Mỹ Phương – Kiểm sát viên

Ngày 31 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 01/2018/TLST-KDTM ngày 10 tháng 4 năm 2018 về tranh chấp "Hợp đồng mua bán" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 205/2018/QĐXXST-KDTM ngày 24 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Bà Đỗ Thị M,** sinh năm: 1963

Nơi cư trú: Số 312, ấp H, xã P, huyện Phú T, tỉnh An Giang (có mặt).

Bị đơn**: Công ty Trách nhiệm hữu hạn sản xuất thương mại dịch vụ T**
Trụ sở: Số 478, Quốc Lộ 91, ấp H, thị trấn A, huyện C, tỉnh An Giang

Đại diện theo pháp luật: Bà **Nguyễn Thị Huệ T** – Tổng giám đốc (theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, đăng ký thay đổi lần thứ 18 ngày 04/8/2016) (vắng mặt)

**Người có quyền và nghĩa vụ liên quan**:
Ông **Nguyễn Thái S** , sinh năm: 1960 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 25/33, Trần Hưng Đạo, khóm T, Phường M, Thành phố L, An Giang

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Trong đơn khởi kiện, bản tự khai cùng ngày 20/3/2018 trong quá trình xét xử và lời khai trước phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà Đỗ Thị M trình bày**

Vào năm 2016 bà Đỗ Thị M và Công ty trách nhiệm hữu hạn sản xuất – Thương mại – Dịch vụ T (gọi tắt là Công ty T) có ký kết hợp đồng mua bán cá tra số 30//HĐNL/TA ngày 30 tháng 9 năm 2016. Căn cứ vào hợp đồng đã ký kết, hai bên thỏa thuận bà M bán cho Công ty T một ao cá tra với số lượng 130 tấn với giá bán 20.70đồng/kg, thành tiền là 2.362.284.000 đồng (bằng chữ: Hai tỷ ba trăm sáu mươi hai ngàn hai trăm tám mươi bốn đồng). Sau khi thực hiện hợp đồng mua bán cá cho Công ty T, thì Công ty T chậm thanh toán tiền cho bà, dù bà có qua công ty nhắc nhở và sau đó bà được biết tổng giám đốc công ty không có ở công ty. Để bù trừ số nợ còn thiếu ngày 21/11/2016 Công ty T ký với bà hợp đồng mua bán cá Fillet thành phẩm theo hợp đồng ký kết số 30/DTM-HĐKT/2016 ngày 21/11/2016 với số lượng 30.000kg, đơn giá là 40.000 đồng/kg thành tiền 1.200.000.000 đồng. Đến ngày 28/11/2016 giữa bà Mvà Công ty T đã tiến hành làm biên bản bù trừ công nợ. Sau khi cấn trừ công nợ thì Công ty T còn phải trả cho bà số tiền 192.268.400 đồng. Bà đã nhiều lần Công ty T thanh toán nhưng Công ty T vẫn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán. Tại đơn khởi kiện bà Đỗ Thị M yêu cầu Công ty T số tiền gốc 192.268.400 đồng (Một trăm chín mươi hai triệu hai trăm sáu mươi tám ngàn bốn trăm đồng) và yêu cầu tính lãi suất theo quy định pháp luật từ ngày 28/11/2016 cho đến ngày xét xử sơ thẩm nhưng tại phiên tòa hôm nay bà Đỗ Thị Mrút lại yêu cầu tính lãi suất bà chỉ yêu cầu Công ty T trả số tiền còn thiếu là 192.268.400 đồng

**Đối với bị đơn**: Công ty trách nhiệm hữu hạn sản xuất – Thương mại – Dịch vụ T: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt và niêm yết hợp lệ thông báo thụ lý, các thông báo về phiên họp kiểm tra về việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo về việc thu thập được tài liệu, chứng cứ và thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ nhưng Công ty trách nhiệm hữu hạn sản xuất – Thương mại – Dịch vụ T vẫn vắng mặt các buổi phiên họp giao nộp chứng cứ và hòa giải vẫn vắng mặt không có lý do. Tòa án tiến hành xác minh đối với Công ty T nhưng đại diện Công ty T không có mặt tại công ty nên không tiến hành lấy lời khai được. Tòa án tiến hành xác minh nơi đăng ký hộ khẩu của ông Nguyễn Thái S và bà Nguyễn Thị Huệ T thì được biết ông S và bà Huệ T vẫn còn hộ khẩu tại Số 25/33, Trần Hưng Đạo, khóm T, Phường M, Thành phố L, An Giang. Do đó Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt Công ty T, ông Nguyễn Thái S theo quy định pháp luật

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu quan điểm cho rằng: Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Nguyên đơn đã chấp hành đúng

theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Sơn đã không chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án, kết quả việc hỏi tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến là chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn trả số tiền mua bán còn thiếu.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

*[1] Về thủ tục tố tụng:*

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Căn cứ vào đơn khởi kiện và các hợp đồng kinh tế được ký kết giữa bà Đỗ Thị M và Công ty T, bà Myêu cầu Công ty T trả số tiền từ hợp đồng mua bán. Tòa án xác định là vụ án kinh doanh thương mại và xác định quan hệ tranh chấp là hợp đồng mua bán. Tuy nhiên qua nghiên cứu hồ sơ và lời trình bày của bà Mtại phiên tòa, xác định bà chỉ là hộ dân nuôi cá rồi thực hiện mua bán cá với Công ty T, bà không có đăng ký loại hình kinh doanh nào và bà cũng chưa được cấp giấy phép kinh doanh. Do đó nay Hội đồng xét xử xác định lại đây là vụ án dân sự, quan hệ tranh chấp là hợp đồng theo quy định tại Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: Bà Đỗ Thị M có đơn khởi kiện về tranh chấp hợp đồng mua bán và yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Châu Thành nơi có trụ sở của bị đơn Công ty T giải quyết. Theo quy định tại khoản 1 Điều 26, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

[1.3]Về nơi cư trú của bị đơn: Công ty trách nhiệm hữu hạn sản xuất – Thương mại – Dịch vụ T có trụ sở tại thị trấn A, huyện C, tỉnh An Giang. Ngày 04/9/2018 Công an phường M, thành phố L, tỉnh An Giang xác nhận ông Nguyễn Thái S và bà Nguyễn Thị Huệ T có đăng ký hộ khẩu tại phường M, thành phố L tỉnh An Giang nhưng hiện nay không có mặt tại địa phương, khi đi không trình báo cho chính quyền địa phương biết nơi cư trú mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40 Bộ luật dân sự năm 2015. Do đó, Tòa án xác định nơi cư trú cuối cùng của ông S và bà T và tiến hành niêm yết các thông báo, quyết định tố tụng cho bị đơn tại địa chỉ các đương sự đã cung cấp là số 478 Quốc lộ 91, ấp H, thị trấn A, huyện C, tỉnh An Giang và cho ông S, bà T tại số nhà 25/33, khóm T, phường M, thành phố L Xuyên, tỉnh An Giang và là đúng theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

[1.4] Bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn sản xuất – Thương mại – Dịch vụ T do bà Nguyễn Thị Huệ T đại diện theo pháp luật và Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thái S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do, căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự

Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đối với bị đơn và Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

*[2] Về nội dung tranh chấp:*

[2.1] Tại đơn khởi kiện ngày 20/3/2018 bà Đỗ Thị M khởi kiện yêu cầu yêu cầu Công ty T số tiền gốc 192.268.400 đồng (Một trăm chín mươi hai triệu hai trăm sáu mươi tám ngàn bốn trăm đồng) và yêu cầu tính lãi suất theo quy định pháp luật từ ngày 28/11/2016 cho đến ngày xét xử sơ thẩm. Tuy nhiên tại phiên tòa hôm nay bà Mrút lại không yêu cầu tính lãi suất mà yêu cầu Công ty T số tiền gốc 192.268.400 đồng. Xét thấy, đối với việc rút lại yêu cầu tính lãi suất của nguyên đơn là không vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu. Nghĩ nên chấp nhận là phù hợp.

[2.2] Căn cứ vào hợp đồng mua bán cá tra số 30/DTM-HĐKT/2016 ngày 21 tháng 11 năm 2016 và biên bản đối chiếu bù trừ công nợ ngày 28/11/2016 đã xác định Công ty T và bà M đã thực hiện hợp đồng mua bán cá tra. Công ty T chưa thanh toán xong số tiền mua cá cho bà M . Do đó bà tiến hành mua số cá thành phẩm của Công ty T, bà mua 5 đợt cá tra fillet của Công ty T với số tiền 1.200.000.000 đồng. Sau khi trừ cấn công nợ thì Công ty T còn thiếu lại bà số tiền 192.268.400 đồng (Một trăm chín mươi hai triệu hai trăm sáu mươi tám ngàn bốn trăm đồng)

Xét về nội dung tranh chấp trên Hội đồng xét xử nhận thấy: Bà M đã thực hiện xong phần nghĩa vụ của mình là giao cá tra với trọng lượng, chất lượng, qui cách đúng theo thỏa thuận tại hợp đồng, tuy nhiên phía Công ty T không thực hiện thanh toán tiền theo thỏa thuận. Công ty T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền mua hàng và thời hạn thanh toán theo hợp đồng. Việc vi phạm này đã ít nhiều làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà M . Do đó, bà M yêu cầu Công ty T phải thanh toán số tiền còn nợ là 192.268.400 đồng(Một trăm chín mươi hai triệu hai trăm sáu mươi tám ngàn bốn trăm đồng) là hoàn toàn có căn cứ và phù hợp với pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

*[3] Về án phí sơ thẩm:* Theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc Hội khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị M được chấp nhận nên được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

- Công ty trách nhiệm hữu hạn sản xuất – Thương mại – Dịch vụ T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ các điều: 26, 35, 39, 147, 227, 228, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 305 Bộ luật dân sự năm 2005**;** Khoản 3 Điều 40 Bộ luật Dân sự năm 2015; điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án..

**Xử:**

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị M

Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn sản xuất – Thương mại – Dịch vụ T có nghĩa vụ thanh toán cho bà Đỗ Thị M số tiền 192.268.400 đồng (Một trăm chín mươi hai triệu hai trăm sáu mươi tám ngàn bốn trăm đồng)

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị M về phần lãi suất

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

**Về án phí:**

Công ty trách nhiệm hữu hạn sản xuất – Thương mại – Dịch vụ T phải chịu 9.613.000 đ (Chín triệu sáu trăm mười ba ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Hoàn trả cho bà Đỗ Thị M số tiền 4.806.000đ (Bốn triệu tám trăm lẻ sáu ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0003427 ngày 10/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh An Giang

**Về kháng cáo:** Bà Đỗ Thị M được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (31/10/2018). Công ty trách nhiệm hữu hạn sản xuất – Thương mại – Dịch vụ T và ông Nguyễn Thái Svắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ khi nhận được tống đạt hoặc niêm yết bản án

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang;
- Phòng kiểm tra nghiệp vụ và thi hành án;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Phạm Thị Mỹ Dung**

***Nơi nhận:***
*- Các đương sự;*
*- Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang;*
*- Phòng kiểm tra nghiệp vụ và thi hành án;*
*- Lưu hồ sơ;*
*- Lưu văn phòng.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Ngọc Giao**